

Số: 62/2026/QĐST- LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai để giải quyết việc dân sự thụ lý số 157/2025/TLST-LĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 2512/2026/QĐ- LĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1/ Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Lê Văn T, sinh năm 1981

Thường trú: thôn Phúc Nhĩ, xã Trường Ninh, tỉnh Quảng Trị

Tạm trú: số 16 Đường số 6, KDC An Bình 2, khu phố Bình Đường 4, phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu vắng mặt)

2/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1 Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam)

Địa chỉ: Lô S, Đường F, Khu công nghiệp trong khu chế xuất S - L, phường L (trước ngày 01/7/2025 là phường L, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2.2 Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố F, phường M, tỉnh Đồng Nai

(có đơn yêu cầu vắng mặt)

2.3 Bảo hiểm xã hội Thành phố H

Địa chỉ: số E đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu ngày 01/12/2025 và lời trình bày của người yêu cầu ông Lê Văn T trong quá trình tham gia tố tụng:

Tháng 9/2008 đến tháng 4/2015, ông có cho bạn là ông Trần Ngọc P mượn chứng minh nhân dân của ông để ông P ký hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm là 7908403816, sau đó ông P đã nghỉ việc. Hiện nay, ông T không cung cấp được hợp đồng lao động do ông P giao kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) do đã bị thất lạc.

Tuy nhiên, trong thời gian từ tháng 4/2010 đến tháng 4/2015, ông T đang ký hợp đồng lao động tại Công ty TNHH F (Việt Nam) và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm là 7910145416.

Do ông P đã sử dụng thông tin nhân thân của ông T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) từ tháng 9/2008 đến tháng 4/2015 là không đúng quy định của pháp luật nên nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Văn T (do ông Trần Ngọc P mượn chứng minh nhân dân) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) trong khoảng thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 4/2015 là vô hiệu. Ngoài ra, ông T không có yêu cầu gì khác, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Do bận đi làm nên ông yêu cầu vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc P trình bày trong quá trình tham gia tố tụng:

Do ông có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hà Tĩnh khó xin việc làm nên ông có mượn chứng minh nhân dân của ông Lê Văn T có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Bình để tìm việc làm. Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 4/2015, ông P có sử dụng chứng minh nhân dân của ông T để ký hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm là 7908403816. Tuy nhiên, từ tháng 4/2010 thì ông T đang ký hợp đồng lao động tại Công ty TNHH F (Việt Nam) và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm là 7910145416. Nay ông T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông T (do ông mượn chứng minh nhân dân) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) vô hiệu thì ông đồng ý. Do bận đi làm nên ông yêu cầu vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ việc.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ việc, quyết định mở phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Thành phố H có văn bản trình bày ý kiến không có yêu cầu gì và yêu cầu vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên họp và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ

lý cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự được thực hiện đúng quy định tại Điều 48, từ Điều 170 đến Điều 181, Điều 363 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Thẩm phán đã gửi hồ sơ vụ việc và quyết định mở phiên họp cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tham gia phiên họp theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 366 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Tuy nhiên, Tòa án còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu, vi phạm quy định tại Điều 366 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

+ Về việc giải quyết việc dân sự: Căn cứ quy định tại Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì yêu cầu của ông Lê Văn T là yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Văn T (do ông Trần Ngọc P mượn chứng minh nhân dân) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) trong khoảng thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 4/2015 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào Đơn yêu cầu ngày 01/12/2025 của ông Lê Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu. Xét thấy, nội dung yêu cầu của ông T là “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) có địa chỉ tại phường L, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025) vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Các đương sự gồm ông Lê Văn T, ông Trần Ngọc P, Bảo hiểm xã hội Thành phố H có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên họp, Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) đã được tổng đạt quyết định mở phiên họp và giấy triệu tập tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025) Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự.

[3] Về hợp đồng lao động: Ông T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa ông T (do ông P là người trực tiếp lao động) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) là vô hiệu. Tuy nhiên, ông T không cung cấp được hợp đồng lao động này. Căn cứ vào văn bản số 1537/BHXXH - QLT ngày 13/3/2026 của Bảo hiểm xã hội Thành phố H cung cấp thông tin cho biết ông T có tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 4/2015 tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) nên có căn cứ xác định giữa ông T và Công ty Trách

nhệm hữu hạn S (Việt Nam) có giao kết hợp đồng lao động từ tháng 9/2008 đến tháng 4/2015.

[4] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ văn bản số 1537/BHXXH - QLT ngày 13/3/2026 của Bảo hiểm xã hội Thành phố H xác định quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của ông Lê Văn T như sau: từ tháng 9/2008 đến tháng 4/2015 tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) với mã số bảo hiểm xã hội là 7908403816.

Căn cứ văn bản số 260/BHXXH - KTra ngày 10/02/2026 của Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 xác định quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của ông Lê Văn T như sau: từ tháng 4/2010 đến tháng 4/2015 tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH F (Việt Nam) với mã số bảo hiểm xã hội là 7910145416.

Căn cứ lời trình bày của ông T và ông P cùng xác nhận ông P đã mượn chứng minh nhân dân của ông T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) trong khoảng thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 4/2015.

Như vậy, có căn cứ xác định ông T không giao kết hợp đồng lao động và không trực tiếp tham gia lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam). Do đó, việc ông P ký hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) nhưng với tên ông T là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2007) nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa ông T (do ông P mượn chứng minh nhân dân) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) là không có hiệu lực. Do đó, nay ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông T (do ông P mượn chứng minh nhân dân) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) trong khoảng thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 4/2015 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là ông P trong khi thông tin ký hợp đồng lao động mang tên ông T là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, ông T không yêu cầu nên không giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 33; Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 184; Điều 361; Điều 367; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ Điều 15, Điều 16 và Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn T:

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Văn T (do ông Trần Ngọc P mượn chứng minh nhân dân) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 4/2015 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là ông Trần Ngọc P trong khi thông tin ký hợp đồng lao động mang tên ông Lê Văn T.

- Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Ông Lê Văn T không yêu cầu nên không giải quyết.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Ông Lê Văn T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông Lê Văn T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049352 ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Lê Văn T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Ông Lê Văn T, ông Trần Ngọc P, Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) và Bảo hiểm xã hội Thành phố H có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 2 - TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Lệ Thủy

